

Phụ lục số 12

**GIÁ ĐẤT Ở KHU VỰC ĐÔ THỊ, VEN ĐÀU MỖI GIAO THÔNG, TRỤC ĐƯỜNG
 GIAO THÔNG CHÍNH VÀ CÁC TRỤC ĐƯỜNG KHÁC TẠI HUYỆN LỘC HÀ**

(ban hành kèm theo Quyết định số 69/2012/QĐ-UBND ngày 24/12/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

TT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá đồng/m²
A	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 9 VÀ KHU VỰC XÃ THẠCH KIM	
1	- Từ Cầu Hộ Độ đến hết xã Hộ Độ	
	+ Từ cầu Hộ Độ đến cách đường đi Mô sắt Thạch Khê 150m	2,200,000
	+ Khu vực ngã tư Tỉnh lộ 9 giao với đường nối QL 1A đi Mô sắt Thạch Khê (bán kính 150 m)	1,800,000
	+ Tiếp đó đến hết xã Hộ Độ	1,500,000
2	Từ giáp xã Hộ Độ đến đường đi nhà thờ Đồng Xuân	1,300,000
3	Từ đường đi nhà thờ Đồng Xuân đến ngã 3 Côn Sơn	1,150,000
4	Từ ngã 3 Côn Sơn đến thị tứ xã Thạch Châu	1,300,000
5	Khu vực thị tứ xã Thạch Châu (ranh giới xác định theo bản quy hoạch Thị tứ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	1,500,000
6	Từ thị tứ Thạch Châu đến hết xã Thạch Châu	1,300,000
7	- Từ giáp xã Thạch Châu đến cầu bà Thụ	
	+ Đoạn từ Thạch Châu đến Vòng xuyên (đường 70m)	1,300,000
	+ Đoạn từ Vòng xuyên (đường 70m) đến đường đi chùa Xuân Đài (cạnh đất ông Quang)	1,300,000
	+ Tiếp đó đến cầu bà Thụ	1,600,000
8	Từ cầu bà Thụ đến điểm cuối Tỉnh lộ 9 giao với kè chắn sóng (Thạch Kim)	2,100,000
9	+ Đoạn từ điểm cuối Tỉnh lộ 9 đến hết cảng cá Thạch Kim	
	+ Dãy ngoài kè chắn sóng (phía Đông)	1,000,000
	+ Dãy trong kè chắn sóng (phía Tây)	1,200,000
10	- Đoạn từ điểm cuối Tỉnh lộ 9 theo hướng Bắc đến đường liên thôn Long Hải - Liên Tân	
	+ Dãy ngoài kè chắn sóng (phía Đông)	800,000
	+ Dãy trong kè chắn sóng (phía Tây)	1,000,000
11	- Khu vực phía Nam Tỉnh lộ 9 (trừ tuyến 1): xóm Giang Hà; Xuân Phụng; Hoa Thành	950,000
12	- Khu vực phía Bắc Tỉnh lộ 9 (trừ tuyến 1)	
	+ Các vị trí nằm trong khu vực phía Nam của đường liên thôn (Long Hải - Liên Tân), giáp Tỉnh lộ 9, cạnh đất nhà anh Tiến Bình đến kè chắn sóng (trừ các vị trí đã quy định khung giá)	950,000
	+ Các vị trí phía Bắc bám trục đường liên thôn (Long Hải - Liên Tân)	800,000
13	- Các vị trí còn lại của xã Thạch Kim	500,000
B	ĐƯỜNG 22/12	
	1. Giáp Tỉnh lộ 9 (thị tứ Thạch Châu) đến hết xã Thạch Mỹ	600,000
	- Từ giáp Tỉnh lộ 9 đến hết đường 1 chiều (UBND xã Thạch Châu)	900,000
	- Ngã tư giao với đường cầu Trù - Thạch Bằng (bán kính 300m)	1,000,000
	2. Từ giáp xã Thạch Mỹ đến đường Vượng - An	500,000
	- Ngã ba (Thụ - Bình) bán kính 200m	600,000

TT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá đồng/m ²
	- Trung tâm chợ huyện bán kính 300m	800,000
	- Trung tâm UBND xã An Lộc (bán kính 200m)	550,000
	3. Từ đường Vương - An đến hết xã Thịnh Lộc	400,000
	+ Trung tâm ngã 3 (khu vực UBND xã Thịnh Lộc) bán kính 250m	600,000
	ĐƯỜNG TỈNH LỘ 7	
C	1. Từ giáp huyện Can Lộc đến Cầu Trù	600,000
	- Khu vực ngã tư Ích Hậu (bán kính 300m)	750,000
	2. Từ cầu Trù đến đường Hồng - Thụ	700,000
	3. Tiếp đó đến cách ngã ba Thụ - Bình 200m giáp đường 22-12	500,000
	- Đoạn cách ngã ba Thụ - Bình (bán kính 200m)	600,000
	- ĐƯỜNG VƯƠNG - AN	
D	1. Từ giáp đường 22/12 đến hết xã Hồng Lộc	400,000
	+ Trung tâm xã Tân Lộc (Từ đất chị Đặng Thị Hà đến hết đất trạm Viễn thông)	450,000
	+ Trung tâm chợ Chiều Hồng Lộc (bán kính 250m)	500,000
	- ĐƯỜNG NỐI QUỐC LỘ 1A ĐI MỎ SẮT THẠCH KHÊ	
Đ	1. Từ cầu Thạch Sơn đến qua đường Tỉnh lộ 9 dài 250 m	1,500,000
	2. Tiếp đó đến đường trục xã đi UBND xã Hộ Độ	950,000
	3. Tiếp đó đến cầu Cửa Sốt (đoạn còn lại)	600,000
	- CÁC TUYẾN ĐƯỜNG TRỤC KHÁC	
	1. Đường từ cầu Hộ Độ qua UBND xã Hộ Độ đến đê Tả Nghèn	
	- Đoạn từ cầu Hộ Độ đến hết UBND xã Hộ Độ	300,000
	- Tiếp đó đến đê Tả Nghèn	250,000
	+ Khu vực ngã tư giao với đường QL 1A đi Mỏ sắt Thạch Khê bán kính 150m	500,000
	2. Đường từ UBND xã Hộ Độ đến hết xóm Tân Hợp	200,000
	3. Đường từ Tỉnh lộ 9 qua trường Tiểu học xã đến Bưu điện xã Hộ Độ	350,000
	4. Đường từ đường đi UBND xã Hộ độ qua Bưu điện xã đến hết xã Hộ Độ	250,000
	5. Đường từ Tỉnh lộ 9 xuống sông Nghèn (Thạch Mỹ)	650,000
	6. Đường từ Tỉnh lộ 9 (xóm Tây Sơn) đến đê Tả Nghèn xóm Mai Lâm	
	- Đoạn từ Tỉnh lộ 9 đến ngã tư đường đi trường Mầm non xã Mai Phụ	400,000
	+ Đoạn ngã tư xã Mai Phụ bán kính 200 m	600,000
	- Tiếp đó đến đê Tả Nghèn xóm Mai Lâm	250,000
	7. Đường trục xã Thạch Mỹ (nối Tỉnh lộ 9 đến đường 22/12)	350,000
	- Đoạn trung tâm chợ Cồn bán kính 250 m (tính từ chợ Cồn)	600,000
	8. Đường nối từ Tỉnh lộ 9 (ngân hàng Nông nghiệp) đến đường 22/12 (xã Thạch Châu)	800,000
	9. Đường từ Tỉnh lộ 9 (sau ngân hàng Nông nghiệp) đến đường đi Thạch Mỹ	700,000
	10. Đường từ Thạch Mỹ đến đường rẽ về đường 22/12 (xóm Đức Châu, xã Thạch Châu)	500,000
	11. Từ đường rẽ (xóm Đức Châu, Thạch Châu) đến giáp đường 22/12 (cạnh nhà truyền thống Thạch Châu)	700,000

TT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá đồng/m ²
E	12. Đường từ Tỉnh lộ 9 (ngã 4 thị tứ Thạch Châu) đi xã Mai Phú	
	- Đoạn từ ngã tư thị tứ đến hết xã Thạch Châu	550,000
	- Tiếp đó đến cầu Cửa Đình (đê Tả Nghèn)	400,000
	- Đoạn ngã tư xã Mai Phú (bán kính 250 m)	550,000
	13. Đường từ Tỉnh lộ 9 qua trường Mầm non xã Thạch Châu đến đê kênh C2	300,000
	14. Đường từ Tỉnh lộ 9 (đất anh Hào) đến cổng gần nhà anh Hà Thảo	300,000
	15. Đường từ đường 22/12 đến ngã ba giao với đường đi biển Xuân Hải	
	- Từ đường 22/12 đến cầu Chợ Mới	900,000
	- Tiếp đó đến đường vào hội quán Xuân Dừa	700,000
	- Từ đường vào hội quán Xuân Dừa đến ngã ba đường đi bãi biển	800,000
	- Khu vực ngã tư giao với đường chùa Kim Dung (bán kính 250m)	1,000,000
	16. Đường nối từ Tỉnh lộ 9 đi Chùa Kim Dung (xã Thạch Bằng)	800,000
	17. Đường từ Tỉnh lộ 9 (đất ông Tuấn) theo hướng Bắc đến giáp xã Thịnh Lộc	700,000
	18. Từ giáp xã Thạch Bằng đến đường 22/12 (xã Thịnh Lộc)	500,000
	19. Đường nối Tỉnh lộ 9 (cửa hàng Ninh Vàng) đến đường đi biển Xuân Hải	700,000
	20. Đường nối Tỉnh lộ 9 đến Ngân hàng Chính sách xã hội	600,000
	21. Đường từ nhà thờ Xuân Hải ra bãi biển Xuân Hải	800,000
	22. Đường từ Đồn Biên phòng 164 ra bãi biển Xuân Hải	800,000
	23. Đường từ Đồn Biên phòng 164 (Thạch Bằng) đến đường 22-12 (Bình Lộc)	350,000
	24. Đường từ trường tiểu học Thạch Mỹ đến đường Cầu Trù - Thạch Bằng	300,000
	25. Đường nối từ ngã 3 đường 22-12 xóm Yên Bình đến giáp xóm Minh Quý xã Thạch Châu (qua đất anh Cường)	450,000
	26. Đường từ ngã 3 cây xăng Cầu Trù đến giáp đường 22/12 (Thạch Châu)	
	- Đường từ ngã 3 cây xăng Cầu Trù đến ngã 4 đường trục xã Thạch Mỹ	450,000
	- Tiếp đó đến ngã tư Bệnh viện giao với đường 22-12	750,000
	27. Đường từ Hồng Lộc đi Phù Lưu (đường Hồng - Thụ)	250,000
	28. Đường từ Tỉnh lộ 7 nối đường 58 xã Hồng Lộc	
	- Đường từ Tỉnh lộ 7 nối đường Vượng - An (Ích Hậu - Hồng Lộc)	300,000
	- Tiếp đó đến đường 58	200,000
	29. Đường từ ngã tư chợ huyện đi Nam Sơn - Thịnh Lộc (đường Bình Thịnh)	
	- Từ đường 22/12 đến qua chợ huyện mới 100m	600,000
	- Tiếp đó đến đường JKA (xóm Nam Sơn Thịnh Lộc)	300,000
	30. Đường từ giáp Tỉnh lộ 7 đến cầu Kênh Cạn	
	- Từ Tỉnh lộ 7 đến trường Tiểu học xã Ích Hậu	600,000
	- Tiếp đó đến cầu Kênh Cạn	400,000
31. Khu vực tái định cư xóm Nam Phong - Hộ Độ	350,000	
32. Khu vực quy hoạch dân cư đầu giá bãi biển Xuân Hải đã xây dựng cơ sở hạ tầng	1,100,000	
33. Đường từ ngã tư xóm 5 đến sân bóng xóm 5 Thạch Mỹ	200,000	
34. Đường Hộ đê từ đất bà Tá xóm 5 đến hết đất ông Sáu xóm 5 Thạch Mỹ	200,000	

TT	Tên đường, đoạn đường	Đơn giá đồng/m ²
	35. Đường từ đất cô Ca xóm 8 rẽ về Hội quán xóm 8 xã Thạch Mỹ	200,000
	36. Đường từ đất ông Hạnh xuân xóm 8 rẽ xuống xóm 15 Thạch Mỹ	200,000
	37. Đường từ Tỉnh lộ 9 (đất anh Đệ) đến giáp đường Thạch Châu đi Mai Phụ xã Thạch Bằng	250,000
		250,000
	BỔ SUNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG MỚI	
F	1. Đường từ giáp đất bà Phong đến hết đất ông Lê (xóm 10) Thạch Mỹ	200,000
	2. Trường Mần non Thạch Mỹ đến hết đất anh Vỹ theo hướng Đông	200,000
	3. Đường hộ đê giáp xã Mai Phụ đến sông tả nghèn Thạch Mỹ	200,000

G. Một số hệ số điều chỉnh giá riêng:

1. Phân loại vùng đất ở:

1.1. Các xã Thạch Bằng, Thạch Châu, Bình Lộc được phân vùng chi tiết đến từng xóm:

+ Xã Thạch Bằng:

Xóm vùng 1 gồm: Xóm Phú Xuân, Phú Nghĩa, Trung Nghĩa, Xuân Hải, Xuân Khánh.

Xóm vùng 2 gồm: Xóm Phú Mậu, Xuân Hoà, Phú Đông, Khánh Yên, Yên Bình.

+ Xã Thạch Châu:

Xóm vùng 1 gồm: Xóm Quang Phú, Thanh Tân, Hồng Lạc, Bằng Châu, Đức Châu.

Xóm vùng 2 gồm: Xóm Lâm Châu, Châu Hạ, An Lộc, Tiến Châu, Kim Ngọc, Minh Quý.

+ Xã Bình Lộc:

Xóm vùng 1 gồm: Thôn 4, Thôn 5, Thôn 6.

Xóm vùng 2 gồm: Thôn 1, Thôn 2, Thôn 3.

1.2. Các xã Mai Phụ, Hộ Độ, Phù Lưu, Ích Hậu, Tân Lộc, Hồng Lộc, An Lộc, Thịnh Lộc, Thạch Mỹ được phân vùng theo quy định tại phụ lục số 13.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất ở

* Các xã: Thạch Châu, Thạch Bằng, Bình Lộc được áp dụng hệ số điều chỉnh như sau:

+ Đối với các xóm vùng 1: Những tuyến đường chưa quy định giá tại các mục (A, B, C, D, Đ, E, F) mà vị trí thửa đất bám đường có nền đường rộng ≥ 4 m thì được tính giá đất vùng 1; những vị trí đất bám đường có nền đường rộng < 4 m hoặc không có đường được tính bằng 80% giá đất vùng 1.

+ Đối với các xóm vùng 2: Những tuyến đường chưa quy định giá tại các mục (A, B, C, D, Đ, E) mà vị trí thửa đất bám đường có nền đường rộng ≥ 4 m thì được tính giá vùng 2; những vị trí đất bám đường có nền đường rộng < 4 m hoặc không có đường được tính bằng 80% giá đất vùng 2.

* Giá đất ở nông thôn xã Thạch Bằng (trừ những vị trí bám đường đã quy định giá riêng tại các mục A, B, E) được áp dụng giá đất các vùng nhân hệ số 1,2.

H. Các hệ số điều chỉnh giá còn lại áp dụng theo Phụ lục số 13.